

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách phường Việt Hưng năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VIỆT HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 57/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về chức năng, nhiệm vụ trong lĩnh vực tài chính – kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của HĐND phường Việt Hưng về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước phường Việt Hưng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Việt Hưng về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Việt Hưng năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế phường Việt Hưng về việc công bố công khai dự toán ngân sách phường Việt Hưng năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách phường Việt Hưng năm 2025 (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Trưởng phòng Giao dịch số 6, Kho bạc Nhà nước KVI, Thuế cơ sở 11 - Chi Cục thuế KVI; Thủ trưởng các: phòng, ban, ngành, đoàn thể và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. / *gk* *na*

Nơi nhận: *fb*

- Như điều 3;
- UBND TP Hà Nội;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT HĐND - UBND phường;
- Trang thông tin điện tử phường Việt Hưng;
- Lưu: VT (03).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Xuân Trường

Phụ lục:

THUYẾT MINH

Giao dự toán ngân sách phường Việt Hưng năm 2025 khi thực hiện xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

(Kèm theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND phường Việt Hưng)

I. Căn cứ thực hiện:

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương Thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của HĐND phường Việt Hưng về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước phường Việt Hưng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của UBND phường Việt Hưng về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Việt Hưng năm 2025;

II. Giao dự toán: UBND phường Việt Hưng phân bổ dự toán ngân sách phường năm 2025, cụ thể như sau:

1. Giao dự toán thu ngân sách phường 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương Thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, dự toán giao thu NSNN trên địa bàn năm 2025: **62,607 tỷ đồng** (Các khoản thu này điều tiết 100% về ngân sách Thành phố), cụ thể:

Chi tiết theo Biểu sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THÀNH PHỐ GIAO	PHƯỜNG GIAO
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn (1+2+3+4)	62.607.000	62.607.000
1	Lệ phí trước bạ	45.351.000	45.351.000
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	45.351.000	45.351.000

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THÀNH PHỐ GIAO	PHƯỜNG GIAO
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.987.000	13.987.000
3	Thu phí, lệ phí	469.000	469.000
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>- Lệ phí môn bài thu từ khu vực kinh tế NQD và cá nhân, hộ kinh doanh</i>	469.000	469.000
4	Thu quỹ đất công ích hoa lợi công sản	2.800.000	2.800.000
II	Thu ngân sách xã, phường (1+2)	323.319.000	323.319.000
1	Số thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		
2	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	323.319.000	323.319.000
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách ⁽²⁾	70.321.000	70.321.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	252.998.000	252.998.000

2. Giao dự toán chi ngân sách phường 6 tháng cuối năm 2025

2.1. Tiêu chí

- Biên chế phường: 132 biên chế, trong đó:

+ Khối phòng, ban QLNN: 82 biên chế

+ VP Đảng ủy: 24 biên chế

+ MTTQ: 15 biên chế.

+ Đơn vị sự nghiệp: 11 biên chế.

- Cán bộ chuyên trách Phường: 19 người

2.2. Giao dự toán chi ngân sách phường trong phạm vi: 323.32 triệu đồng (*Chưa bao gồm kinh phí giao Trạm y tế phường*), gồm:

2.2.1. Kinh phí chi thường xuyên ngân sách phường: 321,89 tỷ đồng, gồm:

a. Kinh phí đã chi của 4 phường (Việt Hưng, Giang Biên, Đức Giang, Thượng Thanh) giao về cấp quản lý mới quyết toán; giao kinh phí cho các đơn vị không thay đổi đơn vị quản lý mà chỉ thay đổi cấp quản lý: **248,09 tỷ đồng**, trong đó:

- Kinh phí đã chi của 4 phường (Việt Hưng, Giang Biên, Đức Giang, Thượng Thanh) giao về cấp quản lý mới (giao Văn phòng HĐND-UBND) quyết toán: **42,31 tỷ đồng**

- Giao kinh phí cho các đơn vị không thay đổi đơn vị quản lý mà chỉ thay đổi cấp quản lý: **205,78 tỷ đồng**, gồm:

+ Các trường học: 200,37 tỷ đồng

+ Trung tâm chính trị khu vực Long Biên: 5,411 tỷ đồng

b. Kinh phí phân bổ cho các phòng, ban, đơn vị 6 tháng cuối năm 2025 để hoạt động: **70,26 tỷ đồng**, gồm:

- Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp: 15,58 tỷ đồng

- Khoản kinh phí theo biên chế: 3,67 tỷ đồng

- Kinh phí chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (6 tháng): 0,66 tỷ đồng

- Kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND (0,8 quỹ tiền lương theo ngạch bậc, chức vụ 6 tháng cuối năm): 4,34 tỷ đồng

- Kinh phí chi hoạt động các đơn vị: 46,01 tỷ đồng

+ Kinh phí chi theo định mức, chi thực hiện nhiệm vụ của phường: 38,84 tỷ đồng

+ Nguồn điều hành (Đã xác định được nhiệm vụ chi nhưng chưa xác định được đối tượng thực hiện): 7,17 tỷ đồng, cụ thể:

(1) Kinh phí tổ chức Đại hội đảng bộ phường: 0,8 tỷ đồng.

(2) Kinh phí tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: 0,8 tỷ đồng.

(3) Kinh phí tổ chức Đại hội thể dục thể thao: 0,2 tỷ đồng.

(4) Kinh phí triển khai các ngày lễ lớn 6 tháng cuối năm 2025: 0,5 tỷ đồng.

(5) Hỗ trợ 30% kinh phí mua thẻ bảo hiểm BHYT học sinh: 1,2 tỷ đồng.

(6) Chi chính lý hồ sơ tài liệu Đảng ủy, UBND phường...: 3 tỷ đồng.

(7) Khác (Hỗ trợ các đơn vị hiệp quản, hỗ trợ khác...): 0,67 tỷ đồng.

+ Kinh phí giao trạm y tế chưa phân bổ do chưa rõ nhiệm vụ: 1,77 tỷ đồng.

c. Tiết kiệm 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 3,54 tỷ đồng.

2.2.2. Dự phòng ngân sách: 1,43 tỷ đồng.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND phường Việt Hưng)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	323.319
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	0
-	Thu ngân sách phường hưởng 100%	-
-	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	323.319
-	Thu bổ sung cân đối	70.321
-	Thu bổ sung có mục tiêu	252.998
III	Thu kết dư	-
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-
V	Các khoản thu để lại ĐTP	
VI	Nguồn thực hiện CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang 2025	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	323.319
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	69.102
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	67.677
3	Dự phòng ngân sách	1.425
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	250.673
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	250.673
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-
IV	10% tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ	3.544
V	Hoàn trả ngân sách thành phố	-

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND phường Việt Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS phường
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	62.607	323.319
I	Thu nội địa	62.607	0
1	Thu thuế CTN, dịch vụ ngoài quốc doanh (NQD)	0	0
	- Thu thuế NQD TW; TP	-	-
	- Thuế giá trị gia tăng		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	- Thuế tài nguyên		
	- Thu khác NQD	-	-
2	Thuế thu nhập cá nhân		
3	Thuế môi trường		-
4	Lệ phí trước bạ	45.351	0
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	45.351	-
	- Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền		
5	Thu phí, lệ phí	469	0
	Phí; Lệ Phí TW		-
	Trở: - Lệ phí môn bài	469	
	- Phí lệ phí khác		
	+ Phí, lệ phí quận quản lý thu	-	-
	+ Phí, lệ phí phường quản lý thu	-	-
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.987	
8	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		
9	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	-
10	Thu tiền bán nhà và thuê nhà ở thuộc SHNN	-	-
11	Thuế nhà đất	-	-
12	Tiền sử dụng đất	0	
-	Thu đấu giá quyền sử dụng đất do các đơn vị của Thành phố tổ chức đấu giá	-	-

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS phường
-	Thu đấu giá quyền sử dụng đất do Quận tổ chức đấu giá và thu giao đất các dự án		
-	Thu giao đất các dự án	0	0
-	Thu tiền sử dụng đất khác		
13	Thu tiền đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	-	-
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản của NS phường	2.800	-
15	Các khoản thu khác ngân sách		
II	Thu viện trợ		
III	Nguồn thực hiện CCTL năm 2024 còn dư chuyển sang 2025		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		323.319

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND phường Việt Hưng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách phường
A	B	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	323.319
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	70.321
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	-
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	68.896
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-
2	Chi khoa học và công nghệ	-
III	Dự phòng ngân sách	1.425
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	252.998
I	Thành phố bổ sung có mục tiêu 6 tháng đầu năm	15.310
1	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	4.712
2	Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ dân vận thôn (tổ dân phố) theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND Thành phố	315

STT	Nội dung	Ngân sách phường
3	Chính sách đặc thu cho một số nhóm trẻ em cơ hoan cảnh đặc biệt, trẻ em cần sự can thiệp khẩn cấp và trẻ em bị tai nạn thương tích nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố	86
4	Bổ sung nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo các Nghị định của Chính phủ: số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	10.197
II	Thành phố bổ sung có mục tiêu 6 tháng cuối năm (*)	237.688
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	206.998
-	Khối mầm non ⁽²⁾	59.727
-	Khối tiểu học ⁽²⁾	82.860
-	Khối THCS ⁽²⁾	58.967
-	Trung tâm BDCT	5.444
2	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.769
-	Trạm y tế	1.769
3	Các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn	20.923
-	Chi trong định mức (tiền lương, các khoản tính theo lương, các khoản bảo hiểm, chi khác ngoài lương)	10.531
-	Chi thực hiện CCTL, quỹ tiền thưởng theo NĐ 73, thu nhập tăng thêm theo NQ46	3.427
-	Bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ QLNN trên địa bàn được bàn giao từ cấp huyện (cũ)	6.965
4	Chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội và bảo hiểm xã	7.498
5	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính (Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 3/6/2025 UBND Thành phố về việc triển khai các nhiệm vụ thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội)	500
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2025 của UBND phường Việt Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ											
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12,0	13
	TỔNG SỐ	313.998	215.559,5	540,0	540,0	1.012,0	590,0	909,0	675,0	1.155,0	540,0	855,0	89.502,6	8.074,0
1	Các đơn vị dự toán	309.914	215.020	-	-	472	50	369	135	615	-	315	88.962,6	7.534
1.1	Văn phòng HĐND&UBND PHƯỜNG	63.513								-			63.513,0	
1.2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	6.819							135	315		315	6.368,5	
1.3	Phòng Văn hóa - Xã Hội	11.567	180			90	50						3.712,5	7.534
1.4	Trạm Y tế phường	0												
1.5	Văn phòng Đảng ủy	16.588								-			16.588,0	
1.6	Ủy Ban Mặt trận tổ quốc	4.580								-			4.579,6	
1.7	Ban quản lý dự án đầu tư - Hạ tầng	0								-				
1.8	Trung tâm Chính trị khu vực Long Biên	5.411	5.411											
1.9	Mâm non Ánh Sao	6.826	6.826							-				
1.10	Mâm non Đức Giang	7.116	7.116							-				
1.11	Mâm non Giang Biên	6.584	6.584							-				
1.12	Mâm non Hoa Hương Dương	5.911	5.911							-				
1.13	Mâm non Hoa Sen	5.023	5.023							-				
1.14	Mâm non Hoa Thủy Tiên	6.218	6.218							-				
1.15	Mâm non Năng Mai	5.266	5.266							-				
1.16	Mâm non Thượng Thanh	4.465	4.465							-				
1.17	Mâm non Trảng An	7.164	7.164							-				
1.18	Mâm non Việt Hưng	4.864	4.864							-				
1.19	Mâm non ĐT Việt Hưng	0	-							-				

